TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DS -ST
Ngày: 24-7- 2017
"V/v Tranh chấp vay tài sản, hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Tuyết Kha

2. Bà Ngô Thị Như Ý

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Danh Văn An- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long *tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Vũ Loan– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLST – DS ngày 03 tháng 01 năm 2017 về việc: "Tranh chấp vay tài sản và hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1971

Trú tại: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D; Bà Danh Thị T, sinh năm 1971

Trú tại: ấp A, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1975

Trú tại: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(ông Lê Thanh T, bà Phạm Thị M có mặt; ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2016 và trong quá trình xét xử

nguyên đơn ông ông Lê Thanh T trình bày: Ông khởi kiện ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T để yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T thanh toán cho vợ chồng ông số tiền 35.860.000đ, do ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T tham gia chơi hụi và vay tiền của vợ chồng ông cụ thể như sau: Ngày 30/01/2015 (ngày âm lịch) ông có mở dây hụi làm chủ, dây hụi 100.000đ, hụi 15 ngày khui một lần, có 22 chưng đến ngày 15/01/2016 thì mãn hụi, ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T tham gia 04 chưng; chưng thứ nhất ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T hốt đầu, để hụi 25.000đ, hốt được số tiền là 1.525.000đ; chưng thứ hai để hụi 25.000đ ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T hốt hụi số tiền là 1.550.000đ vào ngày 15/2/2015; chưng thứ ba ông Nguyễn Văn D bà Danh Thị T bỏ hụi 25.000đ và hốt số tiền 1.575.000đ vào ngày 30/2/2015; chưng thứ tư bỏ hụi 25.000đ và hốt số tiền 1.600.000đ ngày 15/3/2015; bốn chưng hụi trên sau khi hốt thì ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T có đóng hụi chết cho đến đầu tháng 8/2015 thì ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T ngưng không đóng hụi cho vợ chồng ông nữa.

Ngoài ra ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T còn tham gia dây hụi 500.000đ do vợ chồng ông bà làm chủ, hụi 01 tháng khui một lần, dây hụi có 29 chưng khui vào ngày 21/3/2015 đến ngày 21/7/2017 thì mãn hụi, ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T tham gia 03 chưng; chưng thứ nhất hốt ngày 21/4/2015 để hụi 180.000đ, hốt được số tiền 9.140.000đ; chưng thứ hai hốt ngày 21/6/2015 để hụi 170.000đ hốt được số tiền 9.500.000đ; chưng thứ ba ngày 21/8/2015 để hụi 180.000đ hốt được số tiền 9.600.000đ. Vợ chồng ông đã giao đủ tiền hốt hụi cho ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T. Sau khi hốt hụi thì đến kỳ hụi ngày 21/9/2015 thì ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T không đóng hụi cho vợ chồng ông nữa. Cho nên vào ngày 29/01/2016 thì vợ chồng ông đã gặp ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T để tính lại tiền thiếu thì tổng cộng tiền vay, tiền hụi vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T thiếu ông số tiền 16.060.000đ. Trong đó dây hụi 100.000đ ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T còn thiếu 12 kỳ hụi chết x 04 chưng số tiền là 4.800.000đ, số tiền 3.000.000đ và tiền thiếu của dây hụi 500.000đ, tính ra tổng cộng là 16.060.000đ. Dây hụi 500.000đ tính từ kỳ đóng hụi ngày 29/02/2016 đến khi khởi kiện số tiền 35.860.000đ.

Bị đơn bà Danh Thị T trình bày: Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T kiện vợ chồng bà đòi số tiền 35.860.000đ. Bà xác định bà chỉ nợ vợ chồng ông Lê Thanh T số tiền 19.060.000đ. Bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông Lê Thanh T làm chủ, dây hụi 100.000đ, có 22 chưng, 15 ngày khui một lần, bà tham gia chơi 02 chưng, chưng thứ nhất bà hốt được số tiền 1.525.000đ, chưng thứ hai bà hốt được số tiền 1.550.000đ. Hiện dây hụi này đã mãn và bà đã đóng đủ cho vợ chồng ông Lê Thanh T. Ngoài ra thì bà có tham gia dây hụi 500.000đ 01 tháng khui một lần, do ông Lê Thanh T làm chủ, dây hụi có 29 chưng, bà tham gia chơi 02 chưng. Ngày 21/4/2015 bà để hụi 180.000đ hốt được 9.140.000đ, ngày 21/6/2015 bà để hụi 170.000đ hốt được 9.500.000đ. Hai chưng hụi này sau khi hốt thì bà không nhớ là đã đóng lại được bao nhiêu, nhưng ngày 29/01/2016 giữa bà và ông Lê Thanh T đã có tổng kết lại là bà chỉ còn thiếu ông Lê Thanh T số tiền hụi là 16.060.000đ và số tiền vay là 3.000.000đ, tổng cộng là 19.060.000đ. Bà đồng ý trả số tiền trên cho

vợ chồng ông Lê Thanh T, tuy nhiên hoàn cảnh hiện tại của bà khó khăn nên bà xin trả dần. Bà trực tiếp tham gia chơi hụi của ông Lê Thanh T, chồng bà không có tham gia nên bà sẻ tự chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Lê Thanh T.

Theo bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: ông không có tham gia chơi hụi do ông Lê Thanh T làm chủ cũng như không vay tiền của ông Lê Thanh T, việc bà Danh Thị T vợ ông tham gia chơi hụi, vay tiền của vợ chồng ông Lê Thanh T thì ông không biết, nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông Lê Thanh T và yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà.

Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (phô tô); Đơn xin xác nhận ngày 29/12/2016; bản tự khai của bà Phạm Thị M, ông Lê Thanh T ngày 03/01/2017; Biên bản lấy lời khai của ông Lê Thanh T, bà Phạm Thị M ngày 19/01/2017, ngày 20/3/2017; Biên bản lấy lời khai của bà Danh Thị T, ông Nguyễn Văn D ngày 16/5/2017; Danh sách hụi viên, đơn tường trình ngày 29/01/2016.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia trong vụ án cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên bị đơn bà Danh Thị T và ông Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên bà Danh Thị T và ông Nguyễn Văn D đã vắng mặt lần thứ hai, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Danh Thị T, ông Nguyễn Văn D. Từ đó đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về tố tụng đối với vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T đối với ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T yêu cầu trả số tiền 32.060.000đ tiền hụi, vay còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 30 tháng 12 năm 2016 ông Lê Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T trả tiền nợ vay và hụi còn thiếu, do đó đây là quan hệ tranh chấp vay tài sản và hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Ông Nguyễn Văn D và bà Danh Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T.

[3] Về nội dung vụ án: ông Lê Thanh T kiện ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T để đòi số tiền hụi và vay còn thiếu tính đến ngày xét xử là 43.060.000đ. Bà Danh Thị T không thừa nhận số tiền nợ trên mà theo bà Danh Thị T xác định bà chỉ còn nợ ông Lê Thanh T số tiền hụi là 16.060.000đ và tiền vay là 3.000.000đ. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: " Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy việc bà Danh Thị T có nợ ông Lê Thanh T số tiền 19.060.000đ là có thật, tuy nhiên theo sự thừa nhận của ông Lê Thanh T thì số tiền 3.000.000đ là đã được tính trong số tiền 16.060.000đ, vì vậy căn cứ vào sự thừa nhận của ông Lê Thanh T khoản nợ trên bà Danh Thị T còn thiếu ông Lê Thanh T 16.060.000đ.

[4] Bà Danh Thị T xác định số tiền 19.060.000đ là vào ngày 29/01/2016 giữa bà và ông Lê Thanh T tính toán tiền nợ mà bà còn thiếu là tính đến khi mãn hụi và trong dây hụi 500.000đ, bà chỉ tham gia chơi 02 chưng. Còn theo ông Lê Thanh T xác định số tiền số tiền 16.060.000đ là chỉ tính bà Danh Thị T nợ ông đến ngày 29/01/2016, trong dây hụi 500.000đ, bà Danh Thị T tham gia chơi 03 chưng. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2017 bà Danh Thị T thừa nhận việc tính toán lại tiền giữa bà Danh Thị T và ông Lê Thanh T được thể hiện tại "Đơn tường trình" được lập ngày 29/01/2016, nội dung tờ "Đơn tường trình" bà đã được nghe ông Lê Thanh T đọc lại. Theo nội dung tờ đơn tường trình thể hiện số tiền 16.060.000đ giữa hai bên đã tính, là chỉ được tính đến ngày 29/01/2016 chứ không phải tính đến khi mãn hụi, vì từ ngày 29/01/2016 đến ngày mãn hụi là còn 18 kỳ, theo sự thừa nhận của bà Danh Thị T là tham gia chơi 02 chưng thì 18 kỳ bằng 18.000.000đ, điều này không phù hợp với số tiền theo "Đơn tường trình" tính toán giữa hai bên số tiền thiếu là 16.060.000đ, bà Danh Thị T cũng không giải thích được việc không phù hợp trên. Vì vậy số tiền 16.060.000đ là chỉ được tính tiền thiếu đến ngày lập giấy ngày 29/01/2016, chứ không đến khi mãn hụi như bà Danh Thị T trình bày. Từ đó căn cứ xác định tính từ ngày 29/01/2016 bà Danh Thị T còn nợ tiền hụi của ông Lê Thanh T trong dây hụi 500.000đ khui ngày 21/3/2015 là 18 kỳ.

[5] Theo bà Danh Thị T xác định, bà chỉ tham gia 02 chưng trong dây hụi 500.000đ, còn ông Lê Thanh T xác định bà Danh Thị T, ông Nguyễn Văn D tham gia 03 chưng; Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình ông Lê Thanh T làm chủ hụi thì ông có lên danh sách hụi viên ở mỗi dây hụi, ông Lê Thanh T cung cấp chứng cứ là danh sách hụi viên dây hụi 500.000đ khui ngày 21/3/2015, danh sách hụi viên này do ông Lê Thanh T tự lập để xác định hụi viên tham gia và mỗi người tham gia bao nhiêu chưng, thì theo danh sách này ông Lê Thanh T xác định ông ghi tên D (tức là ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T) tham gia 02 chưng. Qua danh sách hụi viên mà ông Lê Thanh T cung cấp ông Lê Thanh T đã tự thừa nhận ông Nguyễn Văn D tham gia 02 chưng, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: " Một bên

đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh", từ đó có căn cứ xác định bà Danh Thị T chỉ tham gia 02 chưng hụi trong dây hụi 500.000đ khui ngày 21/3/2015.

[6] Bà Danh Thị T cho rằng đây là nợ của cá nhân bà chứ không phải là nợ chung của vợ chồng, ông Nguyễn Văn D cũng cho rằng đây là nợ riêng của bà Danh Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy theo lời trình bày của bà Danh Thị T thì khi hai bên tính toán lại tiền nợ còn thiếu ngày 29/01/2016 thì khi có đó có mặt ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn D không phản đối việc ghi tiền nợ trên đối với ông, hơn nữa bà Danh Thị T tham gia chơi hụi của ông Lê Thanh T một thời gian dài, số tiền giao dịch là lớn vì vậy ông Nguyễn Văn D cho rằng không biết là không có căn cứ.

[7] Số tiền nợ hụi tính đến ngày 29/01/2016 là 16.060.000đ, từ ngày 29/01/2016 đến ngày xét xử thì còn 01 kỳ hụi nữa mới mãn, do hụi chưa mãn nên không thể xác định vợ chồng bà Danh Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó chỉ chấp nhận buộc vợ chồng bà Danh Thị T, ông Nguyễn Văn D trả cho ông Lê Thanh T số tiền 16.060.000đ và 17 kỳ hụi chết bằng 17.000.000đ. Ông Lê Thanh T thừa nhận bà Danh Thị T có trả số tiền 1.000.000đ, nên bà Danh Thị T và ông Nguyễn Văn D còn nợ ông Lê Thanh T là 32.060.000đ. Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Từ đó buộc ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh T bà Phạm Thị M số tiền 32.060.000đ. Đối với một kỳ hụi chết trong trường hợp vợ chồng bà Danh Thị T không trả nợ, ông Lê Thanh T có quyền khởi kiện ra Tòa án bằng một vụ kiện khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T phải nộp 5% trên số tiền phải trả, từ đó ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T phải nộp 1.603.000đ. Ông Lê Thanh T phải chịu 300.000đ trên yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 227, 228, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 và 471 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T đối với ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T phải trả cho ông Lê Thanh T bà Phạm Thị M số tiền 32.060.000đ (Ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T đối với ông Nguyễn Văn D, bà Danh Thị T để yêu cầu đòi số tiền 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D bà Danh Thị T phải nộp 1.603.000đ (Một triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng). Ông Lê Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông Lê Thanh T đã nộp tạm ứng số tiền 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002883 ngày 30/12/2016 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long, được đối trừ.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
-TAND tỉnh Bạc Liêu
- CQTHA huyện Phước Long
- VKSND huyện Phước Long
- Các đương sự
- Lưu

Hồ Huỳnh Tố Hiền